

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam
(trước đây có tên gọi là Công ty Cổ phần Chứng khoán Nam An)

Báo cáo tài chính

Ngày 31 tháng 12 năm 2015



Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam
(trước đây có tên gọi là Công ty Cổ phần Chứng khoán Nam An)

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Điều hành	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán	6 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	11
Thuyết minh báo cáo tài chính	12- 39



Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam

(trước đây có tên gọi là Công ty Cổ phần Chứng khoán Nam An)

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam ("Công ty") được thành lập theo Giấy phép hoạt động kinh doanh số 123/GP-UBCK ngày 04 tháng 02 năm 2016 do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Theo đó, Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam kế thừa toàn bộ các quyền và lợi ích hợp pháp, chịu trách nhiệm về các khoản nợ gồm cả nợ thuế, hợp đồng lao động và các nghĩa vụ khác của Công ty Cổ phần Chứng khoán Nam An (Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 79/UBCK-GP ngày 18 tháng 12 năm 2007). Công ty Cổ phần Chứng khoán Nam An chấm dứt hoạt động kể từ ngày Giấy phép trên có hiệu lực.

Công ty được sở hữu 100% bởi Công ty Shinhan Investment Corporation (Hàn Quốc).

Hoạt động chính của Công ty bao gồm môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán.

Trụ sở chính của Công ty từ khi thành lập đến ngày 03 tháng 2 năm 2016 là tại 39 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Từ ngày 04 tháng 2 năm 2016, Công ty chuyển trụ sở chính về Tòa nhà Centec, 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Thành viên Hội đồng Quản trị ("HDQT")/Hội đồng Thành viên ("HĐTV") trong năm 2015 và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Tên</i>	<i>Vị trí</i>	<i>Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm</i>
Ông Jeong Man ki	Chủ tịch HĐTV kiêm Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 04 tháng 02 năm 2016
Ông Chung Whan	Thành viên HĐTV	Bổ nhiệm ngày 04 tháng 02 năm 2016
Ông Jeong Donyeong	Thành viên HĐTV	Bổ nhiệm ngày 04 tháng 02 năm 2016
Bà Huỳnh Kim Thông	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 06 tháng 01 năm 2010 Từ nhiệm ngày 04 tháng 02 năm 2016
Bà Huỳnh Kim Tới	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 06 tháng 01 năm 2010 Từ nhiệm ngày 04 tháng 02 năm 2016
Ông Nguyễn Văn Đức	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 06 tháng 01 năm 2010 Từ nhiệm ngày 04 tháng 02 năm 2016

BAN KIỂM SOÁT

Thành viên Ban Kiểm soát trong năm 2015 và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Tên</i>	<i>Vị trí</i>	<i>Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm</i>
Ông Han Bok Hee	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 04 tháng 02 năm 2016
Ông Nguyễn Đăng Lê Trung	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 04 tháng 02 năm 2016
Bà Nguyễn Thị Tuyết Vân	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 02 tháng 04 năm 2010 Từ nhiệm ngày 04 tháng 02 năm 2016
Bà Phạm Thị Hóa	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 06 tháng 01 năm 2010 Từ nhiệm ngày 04 tháng 02 năm 2016
Bà Huỳnh Thị Thanh Giang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 06 tháng 01 năm 2010 Từ nhiệm ngày 04 tháng 02 năm 2016

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam

(trước đây có tên gọi là Công ty Cổ phần Chứng khoán Nam An)

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN ĐIỀU HÀNH

Thành viên Ban Điều hành trong năm 2015 và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<u>Tên</u>	<u>Vị trí</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/từ nhiệm</u>
Ông Jeong Man Ki	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	Nhận ủy quyền ngày 16 tháng 07 năm 2015 Bổ nhiệm ngày 04 tháng 02 năm 2016
Ông Trần Hồng Văn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 01 năm 2011 Từ nhiệm ngày 04 tháng 02 năm 2016
Ông Nguyễn Phúc Nguyên	Kế toán Trưởng	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 03 năm 2010

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

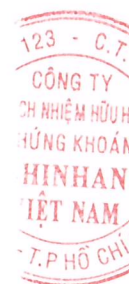
Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong giai đoạn năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 và đến ngày 03/02/2016 là Bà Huỳnh Kim Thông – Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Ông Jeong Man Ki – Chức danh: Người được ủy quyền của người đại diện pháp luật theo Giấy ủy quyền ngày 16 tháng 07 năm 2015 của Bà Huỳnh Kim Thông giai đoạn từ 16/07/2015 đến ngày 03/02/2016.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 04/02/2016 đến ngày lập báo cáo này là Ông Jeong Man Ki - Chức danh: Chủ tịch Hội Đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán của Công ty.



Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam

(trước đây có tên gọi là Công ty Cổ phần Chứng khoán Nam An)

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài từng năm phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Điều hành cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Điều hành Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

CÔNG BỐ CỦA ĐIỀU HÀNH

Theo ý kiến của Ban Điều hành, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Điều hành:



Ông Jeong Man Ki
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 18 tháng 3 năm 2016

Số tham chiếu: 26022016/EY&SSV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Chủ sở hữu
Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam ("Công ty") được lập ngày 18 tháng 3 năm 2016 và được trình bày từ trang 6 đến trang 39 bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Điều hành Công ty

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 23 – Sự kiện quan trọng trong năm và Thuyết minh số 25 – Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán:

- Ngày 03 tháng 07 năm 2015, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã ban hành Quyết định số 564/QĐ-UBCK về việc chấp thuận giao dịch Công ty Shinhan Investment Corporation (Hàn Quốc) mua lại toàn bộ 100% cổ phần của Công ty.
- Ngày 03 tháng 07 năm 2015, Ủy ban Chứng khoán cũng ban hành Quyết định số 563/QĐ-UBCK về việc chấp nhận chuyển đổi hình thức pháp lý của Công ty từ công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.
- Ngày 04 tháng 02 năm 2016, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã ban hành Quyết định số 123/GP-UBCK về việc cấp Giấy phép thành lập và hoạt động cho Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam. Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam kế thừa toàn bộ các quyền và lợi ích hợp pháp, chịu trách nhiệm về các khoản nợ gồm cả nợ thuế, hợp đồng lao động và các nghĩa vụ khác của Công ty cổ phần chứng khoán Nam An (Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 79/UBCK-GP ngày 18 tháng 12 năm 2007). Công ty Cổ phần Chứng khoán Nam An chấm dứt hoạt động kể từ ngày Giấy phép trên có hiệu lực.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề nêu trong phần này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được một doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính đó vào ngày 23 tháng 03 năm 2015.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Thùy Dương
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán:0893-2013-004-1

Hoàng Thị Hồng Minh
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán:0761-2013-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 18 tháng 3 năm 2016

23 - C
CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
CHỨNG KHOÁN
SHINHAN
VIỆT NAM
T.P. HỒ CHÍ MINH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014 (trình bày lại)
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		133.628.829.174	65.598.443.360
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	127.828.151.855	65.501.989.863
111	1. Tiền		93.428.151.855	2.001.989.863
112	2. Các khoản tương đương tiền		34.400.000.000	63.500.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	6	1.840.600	1.840.600
121	1. Đầu tư ngắn hạn		1.840.600	1.840.600
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		4.873.408.363	94.371.438
132	2. Trả trước cho người bán	7	4.678.641.816	-
138	5. Các khoản phải thu khác		194.766.547	94.371.438
150	VI. Tài sản ngắn hạn khác		925.428.356	241.459
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		925.428.356	-
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	-
158	4. Tài sản ngắn hạn khác		-	241.459
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		15.607.907.439	1.622.352.535
220	I. Tài sản cố định		14.378.724.535	1.241.166.845
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	10.880.262.246	910.996.845
222	Nguyên giá		15.926.851.042	5.240.352.800
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(5.046.588.796)	(4.329.355.955)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	788.062.289	330.170.000
228	Nguyên giá		2.134.059.600	1.632.556.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.345.997.311)	(1.302.386.000)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	2.710.400.000	-
260	III. Tài sản dài hạn khác		1.229.182.904	381.185.690
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		-	5.000.000
263	2. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	11	236.541.404	223.311.690
268	3. Tài sản dài hạn khác	12	992.641.500	152.874.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		149.236.736.613	67.220.795.895



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014 (trình bày lại)
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		9.236.736.613	1.746.329.333
310	I. Nợ ngắn hạn	13	9.149.769.613	1.746.329.333
314	1. Thuế và các khoản phải trả Nhà nước		6.491.722	1.224.080.142
316	2. Chi phí phải trả		63.000.000	63.000.000
320	3. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán		98.489.453	101.278.411
328	4. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		8.981.788.438	357.970.780
330	II. Nợ dài hạn		86.967.000	-
331	1. Phải trả cho người bán		86.967.000	-
400	B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		140.000.000.000	65.474.466.562
410	I. Vốn chủ sở hữu	14	140.000.000.000	65.474.466.562
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		140.000.000.000	140.000.000.000
420	2. Lỗ lũy kế		-	(74.525.533.438)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		149.236.736.613	67.220.795.895



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	31/12/2015	31/12/2014
006	6. Chứng khoán lưu ký	2.101.050.000	1.319.810.000
007	6.1. Chứng khoán giao dịch	2.101.050.000	1.319.810.000
009	6.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	2.043.840.000	1.295.510.000
027	6.5. Chứng khoán chờ thanh toán	57.210.000	24.300.000
029	6.5.2. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	57.210.000	24.300.000

Người lập:

Nguyễn Phúc Nguyễn
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:

Nguyễn Phúc Nguyễn
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Jeong Man Ki
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 18 tháng 3 năm 2016

C. S. T. Y. M. H. U. U. K. H. O. A. H. A. T. N. A. M. H. O. C. P. H.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị: VND

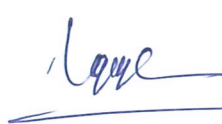
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015	Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 (trình bày lại)
01	1. Doanh thu hoạt động kinh doanh	15	305.599.387	436.531.240
	<i>Trong đó:</i>			
01.1	- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		32.982.059	49.737.153
01.2	- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn		8.400	318.807.900
01.9	- Doanh thu khác		272.608.928	67.986.187
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh		305.599.387	436.531.240
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán	16	666.477.382	119.513.651
20	5. Lợi nhuận/(Lỗ) gộp của hoạt động kinh doanh		(360.877.995)	317.017.589
25	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	17	5.752.511.839	3.001.802.102
30	7. Lợi nhuận/(Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		(6.113.389.834)	(2.684.784.513)
40	8. Lợi nhuận/(lỗ) khác		2.769.840	-
50	9. Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế		(6.110.619.994)	(2.684.784.513)
51	10. Chi phí thuế TNDN hiện hành	18	-	-
60	11. Lợi nhuận/(Lỗ) sau thuế TNDN		(6.110.619.994)	(2.684.784.513)
70	12. Lãi/(Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	14.3	(436)	(192)

Người lập:



Nguyễn Phúc Nguyên
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Nguyễn Phúc Nguyên
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Jeong Man Ki
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 18 tháng 3 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015	Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 (trình bày lại)
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN			
01	1. Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế		(6.110.619.994)	(2.684.784.513)
02	2. Điều chỉnh cho các khoản:			
05	Khấu hao tài sản cố định		760.844.152	324.485.737
09	Lỗ từ hoạt động đầu tư		(272.617.328)	(34.958.865)
09	Các khoản điều chỉnh khác		-	4.166.667
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động		(5.622.393.170)	(2.391.090.974)
09	Tăng các khoản phải thu		(5.504.126.013)	(54.707.019)
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả		7.490.407.280	567.606.453
12	(Tăng)/giảm chi phí trả trước		(920.428.356)	35.890.514
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	18	-	-
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	20.000.000
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh chứng khoán		(4.556.540.259)	(1.822.301.026)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	8,9,10	(13.898.401.842)	-
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(5.750.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	6.625.000.000
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		144.950.661	34.958.865
30	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động đầu tư		(13.753.451.181)	909.958.865
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	14.1	80.636.153.432	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		80.636.153.432	-
50	Giảm tiền thuần trong năm		62.326.161.992	(912.342.161)
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	5	65.501.989.863	66.414.332.024
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	5	127.828.151.855	65.501.989.863

Người lập:



Nguyễn Phúc Nguyên
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Nguyễn Phúc Nguyên
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Jeong Man Ki
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 18 tháng 3 năm 2016

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam
(trước đây có tên gọi là Công ty Cổ phần Chứng khoán Nam An)

B05-CTCK

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối năm	
		01/01/2014	01/01/2015	Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014		Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015		31/12/2014	31/12/2015
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	14	140.000.000.000	140.000.000.000	-	-	-	-	140.000.000.000	140.000.000.000
2. Lỗ lũy kế	14	(71.840.748.925)	(74.525.533.438)	-	(2.684.784.513)	80.636.153.432 (*)	(6.110.619.994)	(74.525.533.438)	-
TỔNG CỘNG		68.159.251.075	65.474.466.562	-	(2.684.784.513)	80.636.153.432	(6.110.619.994)	65.474.466.562	140.000.000.000

(*) Như trình bày tại Thuyết minh số 14.1, vào ngày 22 tháng 12 năm 2015, Chủ sở hữu 100% vốn của Công ty là Công ty Shinhan Investment Corporation (Hàn Quốc) đã quyết định góp vốn để xóa lỗ lũy kế của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Người lập:



Nguyễn Phúc Nguyên
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Nguyễn Phúc Nguyên
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Jeong Man Ki
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 18 tháng 3 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam ("Công ty") được thành lập theo Giấy phép hoạt động kinh doanh số 123/GP-UBCK ngày 04 tháng 02 năm 2016 do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Theo đó, Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam kế thừa toàn bộ các quyền và lợi ích hợp pháp, chịu trách nhiệm về các khoản nợ gồm cả nợ thuế, hợp đồng lao động và các nghĩa vụ khác của Công ty Cổ phần Chứng khoán Nam An (Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 79/UBCK-GP ngày 18 tháng 12 năm 2007). Công ty Cổ phần Chứng khoán Nam An chấm dứt hoạt động kể từ ngày Giấy phép trên có hiệu lực.

Công ty được sở hữu 100% bởi Công ty Shinhan Investment Corporation (Hàn Quốc).

Hoạt động chính của Công ty bao gồm môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán.

Vốn Điều lệ

Vốn pháp định và vốn điều lệ của Công ty lần lượt là 135.000.000.000 VND và 140.000.000.000 VND.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, tổng vốn điều lệ của Công ty là 140.000.000.000 đồng Việt Nam (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 140.000.000.000 đồng Việt Nam).

Mạng lưới hoạt động

Trụ sở chính của Công ty từ khi thành lập đến ngày 03 tháng 2 năm 2016 là tại 39 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Từ ngày 04 tháng 2 năm 2016, Công ty chuyển trụ sở chính về Tòa nhà Centec, 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nhân viên

Tổng số nhân viên đang làm việc cho Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 17 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 14 người).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 sửa đổi Thông tư 95/2008/TT-BTC và Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành bao gồm:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Tại thời điểm lập báo cáo, khoản mục tiền gửi của nhà đầu tư cho mục đích giao dịch chứng khoán được trình bày trên bảng cân đối kế toán của Công ty, cụ thể là được bao gồm trong các tài khoản tiền gửi ngân hàng do Công ty vẫn đứng tên các tài khoản này tại các ngân hàng thương mại.

Bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Các cơ sở đánh giá và các ước tính kế toán áp dụng*

Việc trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Điều hành Công ty phải thực hiện các ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo của tài sản, nợ phải trả cũng như việc trình bày các công nợ tiềm ẩn. Các ước tính và giả định này cũng ảnh hưởng đến thu nhập, chi phí và kết quả số liệu dự phòng. Các ước tính này được dựa trên các giả định về một số yếu tố với các mức độ khác nhau về chủ quan và tính không chắc chắn. Do vậy, các kết quả thực tế có thể có thay đổi dẫn đến việc điều chỉnh các khoản mục có liên quan sau này.

Hoạt động liên tục

Ban Điều hành Công ty đã thực hiện đánh giá khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty và nhận thấy Công ty có đủ các nguồn lực để duy trì hoạt động kinh doanh trong một tương lai xác định. Ngoài ra, Ban Điều hành không nhận thấy có sự không chắc chắn trọng yếu nào có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Do vậy, báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

2.3 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là nhật ký chung.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.4 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam (VND).

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Các thay đổi trong chính sách kế toán và thuyết minh

Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp áp dụng đối với các doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực, mọi thành phần kinh tế

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp áp dụng đối với các doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực, mọi thành phần kinh tế ("Thông tư 200"). Thông tư này thay thế chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015. Điểm mới của Thông tư 200 có ảnh hưởng đến công tác hạch toán kế toán và lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty như sau:

- ▶ Việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu và các khoản có tính chất tương tự được xác định là khó đòi phải trích lập dự phòng được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên.

3.2 Các chính sách mới được ban hành nhưng chưa có hiệu lực

Thông tư số 210/2015/TT-BTC hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán

Ngày 30 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 210/2015/TT-BTC hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán thay thế Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010. Thông tư này đưa ra các quy định các nội dung liên quan đến chứng từ kế toán, hệ thống tài khoản kế toán cũng như phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính của công ty chứng khoán. Thông tư có hiệu lực thi hành từ ngày 1 tháng 1 năm 2016.

3.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền và các khoản tương đương tiền cũng bao gồm các khoản tiền gửi để kinh doanh chứng khoán của nhà đầu tư.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan phát luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào "Chi phí quản lý doanh nghiệp" trong kỳ.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng rủi ro theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009 như sau:

<i>Thời gian quá hạn</i>	<i>Mức trích dự phòng</i>
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản cố định vô hình vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 *Khấu hao và hao mòn*

Khấu hao và hao mòn tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	6 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 5 năm
Phương tiện vận tải	3 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 năm
Phần mềm	3 năm
Tài sản cố định vô hình khác	5 năm

Quyền sử dụng đất của Ngân hàng được Nhà nước giao không thời hạn không được trích khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo thời gian thuê.

3.8 *Thuê tài sản*

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

3.9 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoản thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.10 *Các khoản đầu tư chứng khoán*

Các công ty chứng khoán thực hiện hạch toán kế toán các khoản đầu tư chứng khoán theo một trong hai nguyên tắc là giá gốc hoặc giá trị hợp lý. Theo đó, Công ty đã lựa chọn phương pháp giá gốc để ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán.

Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn

Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn bao gồm các khoản đầu tư vào chứng khoán thương mại và đầu tư ngắn hạn khác.

Chứng khoán thương mại là những chứng khoán có thời hạn thu hồi không quá một năm hoặc mua vào, bán ra chứng khoán để kiếm lời. Chứng khoán thương mại được ghi nhận theo giá thực tế mua chứng khoán (giá gốc), bao gồm: Giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng.

Lãi dự thu nhận được trong kỳ được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Các chứng khoán này được xem xét khả năng giảm giá tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Chứng khoán thương mại được lập dự phòng khi giá trị ghi sổ lớn hơn giá trị thị trường. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên khoản mục "*Chi phí hoạt động kinh doanh*".



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Trợ cấp thôi việc phải trả

3.13.1 Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Công ty sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 18% lương cơ bản hàng tháng của họ. Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác.

3.13.2 Trợ cấp thôi việc

Theo Điều 48 Bộ Luật Lao động số 10/2012/QH13 có hiệu lực ngày 1 tháng 5 năm 2013, Công ty có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 cộng với các trợ cấp khác (nếu có) cho những nhân viên tự nguyện thôi việc. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng được tính để thanh toán trợ cấp thôi việc sẽ căn cứ theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm người lao động thôi việc.

3.13.3 Trợ cấp thất nghiệp

Theo Thông tư số 32/2010/TT-BLĐTBXH hướng dẫn Nghị định số 127/2008/NĐ-CP về bảo hiểm thất nghiệp, từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

3.14 Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

Theo Thông tư số 146/TT/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ ("Thông tư 146"), bắt đầu từ năm tài chính 2014, lợi nhuận thực hiện của Công ty được phân phối như sau:

	<u>Phân phối hàng năm</u>	<u>Số dư tối đa</u>
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân gia quyền của chứng khoán.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng mà không được ghi nhận là doanh thu.

3.16 Phương pháp tính giá vốn chứng khoán

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động theo tháng để tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra và phương pháp đích danh để tính giá vốn trái phiếu bán ra.

3.17 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ (hoặc phải nộp cho) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài chính tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở thuần.

3.18 Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán phản ánh số tiền ký quỹ để giao dịch chứng khoán. Các khoản tiền này được gửi tại ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015		Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014	
	Khối lượng giao dịch thực hiện Đơn vị	Giá trị khối lượng VND	Khối lượng giao dịch thực hiện Đơn vị	Giá trị khối lượng VND
Của Công ty	-	-	350.000	7.818.694.000
- Cổ phiếu	-	-	350.000	7.818.694.000
Của nhà đầu tư	168.150	2.488.318.000	1.849.740	25.017.118.000
- Cổ phiếu	168.150	2.488.318.000	1.849.740	25.017.118.000
- Trái phiếu	-	-	-	-
	168.150	2.488.318.000	2.199.740	32.835.812.000

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Tiền mặt tại quỹ	9.613.530	1.385.695.383
Tiền gửi ngân hàng	93.418.538.325	616.294.480
Trong đó:		
- Tiền gửi KKH của công ty chứng khoán	93.317.206.383	509.402.173
- Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán (*)	101.331.942	106.892.307
Các khoản tương đương tiền	34.400.000.000	63.500.000.000
	127.828.151.855	65.501.989.863

(*) Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, chênh lệch giữa số dư tài khoản tiền ký quỹ của nhà đầu tư và số dư tài khoản phải trả nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán (xem Thuyết minh 13) là 2.842.489 đồng. Các nguyên nhân chính bao gồm:

- Lãi của tài khoản tiền gửi của nhà đầu tư được hạch toán thu nhập của Công ty nhưng chưa được chuyển tiền sang tài khoản tiền gửi của Công ty.
- Công ty cho phép nhà đầu tư đặt lệnh mua khi không có tiền trong tài khoản, thực chất thực hiện ứng trước tiền cho nhà đầu tư nhưng không kịp thời chuyển tiền từ tài khoản của Công ty sang tài khoản tiền gửi của nhà đầu tư. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính này, Công ty đã thu hồi hết các khoản tiền ứng trước trong năm cho các nhà đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số lượng (đơn vị)	Giá trị theo sổ sách kế toán (VND)	So với giá thị trường (VND)		Tổng giá trị theo giá thị trường (VND)
			Tăng	Giảm	
Tại ngày 31/12/2015					
Cổ phiếu niêm yết	162	1.840.600	1.146.400	-	2.987.000
	162	1.840.600	1.146.400	-	2.987.000
Tại ngày 31/12/2014					
Cổ phiếu niêm yết	162	1.840.600	663.200	-	2.503.800
	162	1.840.600	663.200	-	2.503.800

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Công ty Cổ phần Công nghệ cao Lotte-HPT Việt Nam(*)	4.513.532.402	-
Các khoản trả trước khác	165.109.414	-
	4.678.641.816	-

(*) Đây là khoản tiền ứng trước cho nhà cung cấp theo % giá trị hợp đồng liên quan đến Hợp đồng cung cấp phần cứng/mạng/phòng server và Hợp đồng bản quyền và triển khai phần mềm kinh doanh chứng khoán giữa Công ty và Công ty Cổ phần Công nghệ cao Lotte-HPT Việt Nam.



Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam
(trước đây có tên gọi là Công ty Cổ phần Chứng khoán Nam An)

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Biến động của tài sản cố định hữu hình trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá:					
Số dư tại 01/01/2015	1.289.081.100	3.907.769.154	43.502.546	-	5.240.352.800
Mua trong năm	-	9.684.276.992	-	1.002.221.250	10.686.498.242
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2015	1.289.081.100	13.592.046.146	43.502.546	1.002.221.250	15.926.851.042
Giá trị khấu hao:					
Số dư tại 01/01/2015	429.693.700	3.856.159.709	43.502.546	-	4.329.355.955
Khấu hao trong năm	214.846.848	438.895.805	-	63.490.188	717.232.841
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2015	644.540.548	4.295.055.514	43.502.546	63.490.188	5.046.588.796
Giá trị còn lại:					
Số dư tại 31/12/2014	859.387.400	51.609.445	-	-	910.996.845
Số dư tại 31/12/2015	644.540.552	9.296.990.632	-	938.731.062	10.880.262.246

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam
(trước đây có tên gọi là Công ty Cổ phần Chứng khoán Nam An)

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (tiếp theo)

Biến động của tài sản cố định hữu hình trong năm 2014 như sau:

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dung cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá:					
Số dư tại 01/01/2014	1.289.081.100	3.907.769.154	43.502.546	-	5.240.352.800
Mua trong năm	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2014	1.289.081.100	3.907.769.154	43.502.546	-	5.240.352.800
Giá trị khấu hao:					
Số dư tại 01/01/2014	214.846.850	3.829.233.043	43.502.546	-	4.087.582.439
Khấu hao trong năm	214.846.850	26.926.666	-	-	241.773.516
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2014	429.693.700	3.856.159.709	43.502.546	-	4.329.355.955
Giá trị còn lại:					
Số dư tại 01/01/2014	1.074.234.250	78.536.111	-	-	1.152.770.361
Số dư tại 31/12/2014	859.387.400	51.609.445	-	-	910.996.845

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Biến động của tài sản cố định vô hình trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

	<i>Quyền sử dụng đất VND</i>	<i>Phần mềm VND</i>	<i>Tài sản cố định vô hình khác VND</i>	<i>Tổng cộng VND</i>
Nguyên giá:				
Số dư tại 01/01/2015	314.420.000	1.233.936.000	84.200.000	1.632.556.000
Mua trong năm	-	501.503.600	-	501.503.600
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2015	<u>314.420.000</u>	<u>1.735.439.600</u>	<u>84.200.000</u>	<u>2.134.059.600</u>
Giá trị hao mòn:				
Số dư tại 01/01/2015	-	1.218.186.000	84.200.000	1.302.386.000
Khấu hao trong năm	-	43.611.311	-	43.611.311
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2015	<u>-</u>	<u>1.261.797.311</u>	<u>84.200.000</u>	<u>1.345.997.311</u>
Giá trị còn lại:				
Số dư tại 01/01/2015	<u>314.420.000</u>	<u>15.750.000</u>	<u>-</u>	<u>330.170.000</u>
Số dư tại 31/12/2015	<u>314.420.000</u>	<u>473.642.289</u>	<u>-</u>	<u>788.062.289</u>

Biến động của tài sản cố định vô hình trong năm 2014 như sau:

	<i>Quyền sử dụng đất VND</i>	<i>Phần mềm VND</i>	<i>Tài sản cố định vô hình khác VND</i>	<i>Tổng cộng VND</i>
Nguyên giá:				
Số dư tại 01/01/2014	314.420.000	1.233.936.000	84.200.000	1.632.556.000
Mua trong năm	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2014	<u>314.420.000</u>	<u>1.233.936.000</u>	<u>84.200.000</u>	<u>1.632.556.000</u>
Giá trị hao mòn:				
Số dư tại 01/01/2014	-	1.135.473.779	84.200.000	1.219.673.779
Khấu hao trong năm	-	82.712.221	-	82.712.221
Số dư tại 31/12/2014	<u>-</u>	<u>1.218.186.000</u>	<u>84.200.000</u>	<u>1.302.386.000</u>
Giá trị còn lại:				
Số dư tại 01/01/2014	<u>314.420.000</u>	<u>98.462.221</u>	<u>-</u>	<u>412.882.221</u>
Số dư tại 31/12/2014	<u>314.420.000</u>	<u>15.750.000</u>	<u>-</u>	<u>330.170.000</u>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Đây là khoản tiền đã trả cho nhà cung cấp theo % giá trị hợp đồng liên quan đến Hợp đồng cung cấp và lắp đặt nội thất giữa Công ty và Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sản xuất T.P.L. Chi tiết như sau:

	<i>Tổng giá trị hợp đồng VND</i>	<i>Đã thanh toán VND</i>	<i>Còn phải trả VND</i>
- Hợp đồng cung cấp nội thất văn phòng	3.872.000.000	2.710.400.000	1.161.600.000
	3.872.000.000	2.710.400.000	1.161.600.000

11. TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

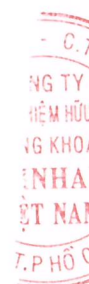
	<i>31/12/2015 VND</i>	<i>31/12/2014 VND</i>
Tiền nộp ban đầu và bổ sung hàng năm	120.000.000	120.000.000
Tiền lãi phân bổ hàng năm	116.541.404	103.311.690
	236.541.404	223.311.690

12. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

	<i>31/12/2015 VND</i>	<i>31/12/2014 VND</i>
Đặt cọc, ký quỹ dài hạn (*)	992.641.500	152.874.000
	992.641.500	152.874.000

(*) Đây là các khoản tiền đặt cọc cho các hợp đồng thuê nhà của Công ty.

	<i>Đặt cọc VND</i>	<i>Cam kết</i>
- Hợp đồng thuê nhà tại Tòa nhà Centec	839.767.500	Cam kết thuê đến 31/07/2018
- Hợp đồng thuê nhà tại 39 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Q1, Thành phố Hồ Chí Minh	152.874.000	Cam kết thuê đến 31/03/2016
	992.641.500	



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Thuế và các khoản phải trả Nhà nước (i)	6.491.722	1.224.080.142
Chi phí phải trả (ii)	63.000.000	63.000.000
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán (iii)	98.489.453	101.278.411
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác (iv)	8.981.788.438	357.970.780
	9.149.769.613	1.746.329.333

(i) Thuế và các khoản phải trả Nhà nước

	01/01/2015 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	31/12/2015 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	-	-	-
Thuế thu nhập DN	-	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.224.080.142	66.196.630	(1.283.785.050)	6.491.722
Thuế khác	-	-	-	-
	1.224.080.142	66.196.630	(1.283.785.050)	6.491.722

(ii) Đây là khoản chi phí thuê nhà phải trả tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015. Khoản chi phí này đã được Công ty thanh toán trong tháng 1 năm 2016.

(iii) Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán là các khoản phải trả nhà đầu tư trong hoạt động giao dịch chứng khoán (Xem Thuyết minh số 5).

(iv) Đây là khoản tiền nhận từ Công ty Shinhan Investment Corporation (Hàn Quốc) chờ tăng vốn.

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

14.1 Vốn và các quỹ

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Lỗ lũy kế VND	Tổng cộng VND
Năm tài chính kết thúc ngày			
31/12/2015			
Số đầu năm	140.000.000.000	(74.525.533.438)	65.474.466.562
Lỗ thuần trong năm	-	(6.110.619.994)	(6.110.619.994)
Vốn góp trong năm (*)		80.636.153.432	80.636.153.432
Số cuối năm	140.000.000.000	-	140.000.000.000
Năm tài chính			
kết thúc ngày 31/12/2014			
Số đầu năm	140.000.000.000	(71.840.748.925)	68.159.251.075
Lỗ thuần trong năm	-	(2.684.784.513)	(2.684.784.513)
Số cuối năm	140.000.000.000	(74.525.533.438)	65.474.466.562

(*) Vào ngày 22 tháng 12 năm 2015, Chủ sở hữu 100% vốn của Công ty là Công ty Shinhan Investment Corporation (Hàn Quốc) đã quyết định về việc sử dụng vốn góp để xóa lỗ lũy kế của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

14.2 Cổ phiếu

	<u>31/12/2015</u> <u>Cổ phiếu</u>	<u>31/12/2014</u> <u>Cổ phiếu</u>
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	14.000.000	14.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	14.000.000	14.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	14.000.000	14.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	14.000.000	14.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14.000.000	14.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	14.000.000	14.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

14.3 Lãi/(Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm tài chính kết</u> <u>thúc ngày</u> <u>31/12/2015</u>	<u>Năm tài chính kết</u> <u>thúc ngày</u> <u>31/12/2014</u>
Lợi nhuận sau thuế TNDN (đồng)	(6.110.619.994)	(2.684.784.513)
Số cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	14.000.000	14.000.000
Số cổ phiếu phổ thông đã phát hành cuối năm	14.000.000	14.000.000
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông trong năm	14.000.000	14.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)	(436)	(192)



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. DOANH THU HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	<i>Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 VND</i>	<i>Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 VND</i>
Doanh thu hoạt động kinh doanh	305.599.387	436.531.240
Doanh thu môi giới chứng khoán	32.982.059	49.737.153
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	8.400	318.807.900
Doanh thu khác	272.608.928	67.986.187
- Thu lãi tiền gửi	272.608.928	67.986.187
Doanh thu thuần	305.599.387	436.531.240

16. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	<i>Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 VND</i>	<i>Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 VND</i>
Chi phí môi giới, lưu ký chứng khoán	200.796.515	17.634.763
Chi phí khấu hao và phân bổ	455.580.448	82.712.221
Chi phí khác	10.100.419	19.166.667
	666.477.382	119.513.651

17. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 VND</i>	<i>Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 VND</i>
Chi phí nhân viên	1.857.695.335	1.130.435.788
Chi phí khấu hao và phân bổ	305.323.704	241.773.516
Chi phí đồ dùng văn phòng	82.907.163	33.169.534
Thuế, phí và lệ phí	100.386.527	131.089.620
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.017.161.100	571.700.313
Chi phí thuê văn phòng	1.677.682.991	756.000.000
Chi phí bằng tiền khác	711.355.019	137.633.331
	5.752.511.839	3.001.802.102



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") với thuế suất bằng 22% lợi nhuận thu được.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính này có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện hành. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính.

Bảng ước tính mức thuế TNDN hiện hành của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được trình bày như sau:

	<i>Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 VND</i>	<i>Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 VND</i>
Lợi nhuận thuần trước thuế	(6.110.619.994)	(2.684.784.513)
Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận theo kế toán	-	-
Thu nhập chịu thuế ước tính kỳ hiện hành	(6.110.619.994)	(2.684.784.513)
- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	22%
Thuế TNDN phải trả ước tính kỳ hiện hành	-	-
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	-	-
Thuế TNDN đã trả trong năm	-	-
Thuế TNDN phải trả cuối năm	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan là các giao dịch được thực hiện với các bên có liên quan với Công ty. Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Một bên được coi là bên có liên quan với Công ty nếu:

- (a) Trực tiếp hoặc gián tiếp qua một hay nhiều bên trung gian, bên này:
- ▶ kiểm soát hoặc bị kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát chung bởi Công ty (bao gồm các công ty mẹ, công ty con);
 - ▶ có vốn góp vào Công ty và do đó có ảnh hưởng đáng kể tới Ngân hàng;
 - ▶ có quyền đồng kiểm soát Công ty.
- (b) Bên liên quan là công ty liên doanh, liên kết mà Công ty là một bên liên doanh, liên kết;
- (c) Bên liên quan có thành viên là nhân sự chính trong Ban Quản lý của Công ty hoặc công ty mẹ của Công ty;
- (d) Bên liên quan là thành viên mật thiết trong gia đình của bất kỳ cá nhân nào đã nêu trong điểm (a) hoặc (c);
- (e) Bên liên quan là một thành viên trực tiếp hoặc gián tiếp chịu sự kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc chịu ảnh hưởng đáng kể, hoặc có quyền biểu quyết bởi bất kỳ cá nhân nào được đề cập đến trong điểm (c) hoặc (d).

Số dư với các bên liên quan tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Số tiền</i>	
			<i>31/12/2015</i> VND	<i>31/12/2014</i> VND
Công ty Shinhan Investment Corporation (Hàn Quốc)	Công ty mẹ	Phải trả ngắn hạn	8.981.788.438	-
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	Đồng kiểm soát bởi Công ty mẹ	Nhận tiền gửi không kỳ hạn từ Công ty	93.289.763.974	-
		Nhận tiền gửi có kỳ hạn từ Công ty	34.400.000.000	-
		Lãi phải thu từ hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn	146.479.045	-

Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong năm nay và năm trước:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Số tiền</i>	
			<i>Năm tài chính kết thúc ngày</i> 31/12/2015	<i>Năm tài chính kết thúc ngày</i> 31/12/2014
			VND	VND
Ban Điều hành	Quản lý	Thu nhập lương	234.726.200	114.720.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. CÁC CAM KẾT VÀ NGHĨA VỤ NỢ TIỀM ẨN

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2015, các Hợp đồng cung cấp hàng hóa dịch vụ Công ty đang thực hiện như sau:

<i>Tên hợp đồng</i>	<i>Tổng giá trị hợp đồng VND</i>	<i>Đã thanh toán VND</i>	<i>Còn phải trả VND</i>
Hợp đồng thuê văn phòng - tại 39 NKKK, Q1, TP.HCM	63.000.000	-	63.000.000
Hợp đồng dịch vụ liên quan đến việc hỗ trợ xin cấp giấy phép mới của NASC theo HĐ số 08102015/EY-NASC/FAAS	1.089.000.000	292.600.000	796.400.000
Hợp đồng cung cấp nội thất văn phòng	4.383.445.000	2.710.400.000	1.673.045.000
Hợp đồng cung cấp cho thuê máy photocopy	206.712.000	-	206.712.000
Hợp đồng cung cấp phần cứng, mạng, phòng server	9.684.268.260	8.195.631.808	1.488.636.452
Hợp đồng bản quyền và triển khai phần mềm kinh doanh chứng khoán	13.713.169.400	6.038.178.000	7.674.991.400
Hợp đồng cung cấp phần mềm BRAVO – Số HĐ: BRAVO-NAS NCM1/20150923	235.870.000	165.109.000	70.761.000
Hợp đồng cung cấp dịch vụ kênh thuê riêng	547.745.000	-	547.745.000
	29.923.209.660	17.401.918.808	12.521.290.852

21. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Công ty nhận định nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Điều hành liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Điều hành xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro này như sau.

C.
G. T.
M. H.
K. H.
H. A.
N. A.
H. O.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư ngắn hạn và đầu tư chứng khoán sẵn sàng để bán.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, và các khoản nợ phải trả tài chính. Những khoản đầu tư này phần lớn là ngắn hạn, và không được nắm giữ với mục đích đầu cơ. Nợ phải trả tài chính có lãi suất cố định.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy lãi suất do mức độ rủi ro lãi suất của Công ty rất nhỏ hoặc nợ phải trả tài chính có lãi suất cố định.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi tỷ giá hối đoái. Rủi ro về thay đổi tỷ giá ngoại tệ của Công ty chủ yếu liên quan đến các hoạt động của Công ty khi doanh thu hoặc chi phí có gốc tiền tệ khác so với đồng tiền kế toán của Công ty.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy tỷ giá do Công ty không nắm giữ bất kỳ đồng ngoại tệ nào tại thời điểm cuối kỳ/năm.

Rủi ro về giá cổ phần

Chứng khoán vốn niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ chịu ảnh hưởng của rủi ro giá thị trường phát sinh do tình trạng không chắc chắn về giá trị trong tương lai của các khoản đầu tư chứng khoán.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy thay đổi giá cổ phần do mức độ rủi ro về giá cổ phần của Công ty rất nhỏ.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm cả tiền gửi ngân hàng, các công cụ tài chính khác và các hợp đồng hợp tác kinh doanh.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Công ty đánh giá rủi ro tập trung về tín dụng liên quan đến các khoản phải thu khách hàng ở mức thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng lớn tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng từ số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận kế toán theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các thành phần trong bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5. Công ty đánh giá rủi ro tập trung về tín dụng liên quan đến tiền gửi ngân hàng ở mức thấp.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Điều hành cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời gian đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán dự kiến hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu như sau:

	<i>Bất kỳ thời điểm nào VND</i>	<i>Đến 1 năm VND</i>	<i>Từ 1 - 5 năm VND</i>	<i>Tổng cộng VND</i>
Ngày 31/12/2015				
Thuế và các khoản phải trả Nhà nước	-	6.491.722	-	6.491.722
Chi phí phải trả	-	63.000.000	-	63.000.000
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	98.489.453	-	-	98.489.453
Các khoản phải trả, phải nộp khác	8.981.788.438	-	-	8.981.788.438
Phải trả người bán dài hạn	-	-	86.967.000	86.967.000
	9.080.277.891	69.491.722	86.967.000	9.236.736.613
Ngày 31/12/2014				
Thuế và các khoản phải trả Nhà nước	-	1.224.080.142	-	1.224.080.142
Chi phí phải trả	-	63.000.000	-	63.000.000
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	101.278.411	-	-	101.278.411
Các khoản phải trả, phải nộp khác	357.970.780	-	-	357.970.780
	459.249.191	1.287.080.142	-	1.746.329.333

Công ty đã đánh giá mức độ rủi ro tập trung cho các khoản nợ và kết luận rủi ro thanh khoản ở mức thấp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ 210

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210") có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2011. Thông tư 210 đã đưa ra các định nghĩa về công cụ tài chính, bao gồm tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, công cụ tài chính phái sinh và công cụ vốn chủ sở hữu cũng như quy định cách thức phân loại, trình bày và thuyết minh các loại công cụ này.

Do Thông tư 210 chỉ quy định việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính, các khái niệm dưới đây theo Thông tư 210 chỉ áp dụng đối với việc lập Thuyết minh này. Các khoản mục tài sản và nợ của Công ty vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam, các chính sách kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư 95/2008/TT-BTC của Bộ Tài Chính và tuân thủ các quy định có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính kèm theo.

Tài sản tài chính

Các tài sản tài chính của Công ty theo phạm vi của Thông tư 210/2009/TT-BTC bao gồm tiền mặt, các khoản chứng khoán kinh doanh, chứng khoán đầu tư, các phải thu và các tài sản theo các hợp đồng phái sinh tiền tệ.

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, thành một trong các loại sau:

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - ▶ Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/ mua lại trong thời gian ngắn;
 - ▶ Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - ▶ Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, đơn vị xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà đơn vị có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- a) Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- b) Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- c) Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ 210 (tiếp theo)

Tài sản tài chính (tiếp theo)

Các khoản cho vay và phải thu

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- a) Các khoản mà đơn vị có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được đơn vị xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- b) Các khoản được đơn vị xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- c) Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản sẵn sàng để bán:

Là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- a) Các khoản cho vay và các khoản phải thu;
- b) Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn;
- c) Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty theo phạm vi của Thông tư 210/2009/TT-BTC bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả và các khoản nợ phải trả.

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC, nợ phải trả tài chính cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành:

Các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - ▶ Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/ mua lại trong thời gian ngắn;
 - ▶ Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - ▶ Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, đơn vị xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại vào nhóm được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại vào nhóm các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.



Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam
(trước đây có tên gọi là Công ty Cổ phần Chứng khoán Nam An)



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ 210 (tiếp theo)

Bảng so sánh giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Công ty được trình bày trong báo cáo tài chính như sau::

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2015	31/12/2014	31/12/2015	31/12/2014
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	127.828.151.855	-	65.501.989.863	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	1.840.600	-	1.840.600	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	4.873.408.363	-	94.371.438	-
Tài sản ngắn hạn khác	925.428.356	-	241.459	-
Tài sản dài hạn khác	1.229.182.904	-	381.185.690	-
Tổng cộng	134.858.012.078	-	65.979.629.050	-
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán	-	-	-	-
Chi phí phải trả	63.000.000	-	63.000.000	-
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	98.489.453	-	101.278.411	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	8.981.788.438	-	357.970.780	-
Phải trả người bán dài hạn	86.967.000	-	-	-
	9.230.244.891	-	522.249.191	-

(*) Giá trị hợp lý của những khoản mục này được trình bày theo giá trị ghi sổ do chưa có hướng dẫn về xác định giá trị hợp lý theo Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ 210 (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được tính theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bán hoặc thanh lý bắt buộc.

23. SỰ KIẾN QUAN TRỌNG TRONG NĂM

- Ngày 03 tháng 07 năm 2015, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã ban hành Quyết định số 564/QĐ-UBCK về chấp thuận giao dịch Công ty Shinhan Investment Corporation (Hàn Quốc) mua lại toàn bộ 100% cổ phần của Công ty.
- Ngày 03 tháng 07 năm 2015, Ủy ban Chứng khoán cũng ban hành Quyết định số 563/QĐ-UBCK về việc chấp thuận được thực hiện chuyển đổi hình thức pháp lý của Công ty từ công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

24. TRÌNH BÀY LẠI SỐ LIỆU SO SÁNH

Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được trình bày lại như sau:

		31/12/2014 (đã được trình bày trước đây) VND	Trình bày lại VND	31/12/2014 (được trình bày lại) VND
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN				
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ (i)		118.709.015	(118.709.015)	-
Tài sản cố định hữu hình Nguyên giá (ii)	8	910.996.845		910.996.845
Giá trị khấu hao lũy kế (ii)		(4.570.289.625)	240.933.670	(4.329.355.955)
Tài sản cố định vô hình Nguyên giá (ii)	9	330.170.000		330.170.000
Giá trị hao mòn lũy kế (ii)		(1.647.556.000)	(15.000.000)	1.632.556.000
		(1.317.386.000)	(15.000.000)	(1.302.386.000)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được trình bày lại như sau:

		Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 (đã được trình bày trước đây) VND	Trình bày lại VND	Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 (được trình bày lại) VND
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Chi phí quản lý doanh nghiệp (i)	17	2.883.093.087	118.709.015	3.001.802.102
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ				
Khấu hao tài sản cố định (ii)		328.652.404	(4.166.667)	324.485.737
Các khoản điều chỉnh khác (ii)		-	4.166.667	4.166.667
Tăng các khoản phải thu (i)		(173.416.034)	118.709.015	(54.707.019)

- C
GT
EM HI
KH
NH
NA
PHO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. TRÌNH BÀY LẠI SỐ LIỆU ĐẦU NĂM (tiếp theo)

- (i) Phân bổ lại thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ theo tỷ lệ phần trăm của doanh thu chịu thuế giá trị gia tăng trên tổng doanh thu của Công ty.
- (ii) Phân loại lại tài sản cố định có giá trị dưới 30.000.000 VND sang tài khoản công cụ, dụng cụ và phân loại lại giá trị hao mòn lũy kế cùng chi phí khấu hao tương ứng.

25. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Ngày 04 tháng 02 năm 2016, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã ban hành Quyết định số 123/GP-UBCK về việc cấp Giấy phép thành lập và hoạt động cho Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam. Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam kế thừa toàn bộ các quyền và lợi ích hợp pháp, chịu trách nhiệm về các khoản nợ gồm cả nợ thuế, hợp đồng lao động và các nghĩa vụ khác của Công ty cổ phần chứng khoán Nam An (Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 79/UBCK-GP ngày 18 tháng 12 năm 2007). Công ty Cổ phần Chứng khoán Nam An chấm dứt hoạt động kể từ ngày Giấy phép trên có hiệu lực.

Người lập:



Nguyễn Phúc Nguyên
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Nguyễn Phúc Nguyên
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Jeong Man Ki
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 18 tháng 3 năm 2016